TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2023
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Phương

2. Ông Võ Văn Tường

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2023/ TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Dương Thị Hồng H,** sinh năm 1975
Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ.
Chỗ ở: ấp N, xã A, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: ông **Nguyễn Văn H1,** sinh năm 1970
Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Dương Thị Hồng H trình bày: bà và ông H1 chung sống với nhau từ năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L năm 2010. Thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, cả hai không còn tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và không còn hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân 07 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, ông H1 cũng có người phụ nữ khác. Nay bà thấy cuộc sống vợ chồng không còn hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1. Ông bà có 04 con chung là Nguyễn

Dương B (nam) sinh ngày 21/3/1994, Nguyễn Dương Gia H2 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia B1 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia H3 (nữ) sinh ngày 13/5/2014, bà yêu cầu nuôi các con chung chưa thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Phía bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày: ông thừa nhận trong quá trình chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng muốn bà H cho ông cơ hội để hàn gắn vì con còn nhỏ. Ông và bà H có 04 con chung là Nguyễn Dương B (nam) sinh ngày 21/3/1994, Nguyễn Dương Gia H2 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia B1 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia H3 (nữ) sinh ngày 13/5/2014, ông không tranh chấp nuôi con, tùy ý các con lựa chọn. Tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Dương Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn H1 xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09, ngày 22/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Nay một bên yêu cầu được ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn H1 tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông H1 vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Hôn nhân giữa bà Dương Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn H1 là tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp. Thời gian đầu ông H1 và bà H chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, thường xuyên cãi vã, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, ông H1 không chung thủy, ông H1, bà H đã sống ly thân khoảng 07 năm nay, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Như vậy, trong quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng không sống chung với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: ông H1, bà H có 04 người con chung là Nguyễn Dương B (nam) sinh ngày 21/3/1994, Nguyễn Dương Gia H2 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia B1 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia H3 (nữ) sinh ngày 13/5/2014. Bà H yêu cầu nuôi các con chung chưa thành niên, ông H1 không tranh chấp nuôi con chung. Cháu H3 có nguyện vọng theo mẹ, cháu H2 và cháu B1 có nguyện vọng chung sống với cha. Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo sự ổn định cuộc sống, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu H3 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu B1 và cháu H2 cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H và ông H1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, bà H và ông H1 không yêu cầu giải quyết, nguyên đơn và bị đơn thống nhất không có nợ chung.

[6] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Hồng H với ông Nguyễn Văn H1.

- *Về con chung:* Nguyễn Dương B (nam) sinh ngày 21/3/1994 đã thành niên; giao Nguyễn Dương Gia H3 (nữ) sinh ngày 13/5/2014 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; giao Nguyễn Dương Gia H2 (nam) sinh ngày 05/10/2008, Nguyễn Dương Gia B1 (nam) sinh ngày 05/10/2008 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H và ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà H, ông H1, không ai được quyền ngăn cản

- *Về tài sản chung:* chưa xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung:* không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà H nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu 0001545 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Liêng Thị Hồng Hoa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- UBND xã L;
- Lưu HS (2b).